TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **33**/2024/KDTM-ST;
Ngày: 22/4/2024;
V/v Tranh chấp hợp đồng
cho thuê tài chính.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ma Văn Nhất

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Quản

2. Bà Nguyễn Thị Thúy Hoa

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Thống, cán bộ Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Yến Hòa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 126/2023/TLST-KT ngày 06 tháng 11 năm 2023 về việc "tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 156/2024/QĐXXST-KT ngày 23 tháng 02 năm 2024. Quyết định hoãn phiên tòa số 274/2024/QĐST-DS ngày 22 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Q**.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Cheng, Yi-C, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Diệp Yến B, chức vụ: Trưởng phòng Thu hồi công nợ. (Theo giấy ủy quyền số 01.2023/GUQ-COL ngày 03/01/2023 do Tổng giám đốc Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Q ký)

Người đại diện theo Giấy ủy quyền: Ông **Đỗ Nguyễn Nhật L** - Chức vụ: Nhân viên (Theo Giấy ủy quyền số 307.2024/GUQ.COL ngày 26/3/2024)

Địa chỉ: Tầng 28, Cao ốc Saigon Trade Centre, số 37 Tôn Đức Th, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Có mặt)

- *Bị đơn:* **Công ty TNHH Sản xuất C.** Mã số thuế: 0313323136.

Địa chỉ: B Quốc Lộ 1A, tổ 3, khu phố 1, Phường Thạnh L, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: bà **Vũ Thị H**, chức vụ: Giám đốc.

(Vắng mặt)

N***gười có quyền và nghĩa vụ liên quan:***

1/ Ông **Nguyễn Thanh L**, Sinh năm: 1983 (Người bảo lãnh).

HKTT: Thôn Kim Đ, xã Quảng T, huyện Quảng Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Trú tại: B Quốc Lộ 1A, tổ 3, khu phố 1, Phường Thạnh L, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt)

2/ Bà **Vũ Thị H**, Sinh năm: 1988 (Người bảo lãnh).

KHTT: Thôn Kim Đ, xã Quảng Th, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Trú tại: B2 Quốc Lộ 1A, tổ 3, khu phố 1, Phường Thạnh L, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

I/ *Theo đơn khởi kiện nguyên đơn và trong các bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, đại diện theo giấy ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

1/ Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Q gọi tắt là (Công ty C) và Công ty TNHH Sản xuất C (sau đây gọi tắt là "Công ty C") đã ký kết Hợp đồng cho thuê tài chính số C210800102 ký ngày 30/8/2021 (sau đây gọi tắt là "*Hợp đồng thuê*"). Theo đó, tài sản mà Công ty C có nhu cầu thuê tài chính là:

*Tài sản thuê***:** 01 Máy CNC khoan cắt tạo ren con trượt 21; 01 Máy CNC khoan cắt kẹp tấm pin năng lượng mặt trời; 01 Máy CNC khoan dập lỗ chân L85; 01 Máy CNC khoan tạo ren thanh tiếp địa; Máy cắt nhôm 2 đầu, Ký hiệu: OMRM 113, Hãng chế tạo: OZGENC MAKINA; Máy bấm và liên kết góc nhôm, Ký hiệu: OMRM 136, Hãng chế tạo: OZGENC MAKINA.

Để thực hiện Hợp đồng thuê số C210800102 này, ngày 30/8/2021, các bên đã ký hợp đồng mua bán số C210800102-PC để mua các tài sản thuê nêu trên từ Công ty C và cho Công ty C thuê lại chính các tài sản đó. Đây là hình thức mua và cho thuê lại theo quy định của pháp luật về cho thuê tài chính. Công ty C đã ký Giấy chứng nhận nghiệm thu Tài sản thuê vào ngày 15/09/2021.

Hợp đồng thuê được cấp Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm vào ngày 17/9/2021.

Tổng giá trị của tài sản là **2.132.000.000** đồng, trong đó Công ty C trả trước 639.600.000 đồng, Công ty C tài trợ vốn với giá trị còn lại tương ứng ("*Giá trị thuê*") là 1.492.400.000 đồng. Lãi suất thuê là lãi suất thả nổi, được tính dựa trên lãi suất tiêu chuẩn VND của Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Q cộng với biên độ là 5.7%/năm, mức lãi suất tạm tính tại ngày bắt đầu thuê là: 5.68% + 5.7% = 11.38%/năm. Thời hạn thuê là 36 tháng, bắt đầu từ ngày 15/9/2021 đến ngày 25/9/2024.

Hàng tháng, Công ty C phải thanh toán cho Công ty C Tiền thuê bao gồm một phần Vốn gốc và khoản tiền lãi được tính trên dư nợ giảm dần cho đến khi trả đủ số tiền Vốn gốc mà Công ty C đã tài trợ cùng các khoản lãi theo Hợp đồng thuê. Trước khi Công ty C trả hết toàn bộ Vốn gốc cùng các khoản lãi, Công ty C vẫn là chủ sở hữu của Tài sản thuê và là người đứng tên trên toàn bộ các hóa đơn, chứng từ, các giấy tờ pháp lý khác liên quan đến quyền sở hữu, v.v. đối với Tài sản thuê.

2/ Ngày 11/10/2022, do Công ty C vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định của Hợp đồng thuê, Công ty chúng tôi đã phát hành Thông báo chấm dứt Hợp đồng thuê và thu hồi Tài sản thuê, yêu cầu Công ty C thanh toán tổng số tiền còn thiếu theo Hợp đồng thuê tính đến ngày 14/10/2022 (ngày chính thức chấm dứt Hợp đồng thuê) là 1.362.325.212 đồng.

Sau khi chấm dứt Hợp đồng thuê, Công ty chúng tôi đã nhiều lần liên hệ Công ty C để yêu cầu thanh toán. Tuy nhiên, Công ty C chỉ thanh toán số tiền 104.173.070 đồng vào ngày 04/11/2022 và ngày 05/01/2023 cho Công ty chúng tôi kể từ ngày chấm dứt Hợp đồng thuê. Số tiền nêu trên không đủ thanh toán cho toàn bộ số tiền thuê còn nợ và các khoản lãi phát sinh.

3/ Do Công ty C đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Công ty chúng tôi nên Công ty chúng tôi khởi kiện vụ án ra Toà án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu giải quyết những nội dung sau:

- Buộc Công ty TNHH Sản xuất C thanh toán cho Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Q toàn bộ số tiền còn nợ phát sinh trên Hợp đồng cho thuê tài chính số C210800102 ký ngày 30/8/2021 tạm tính đến ngày 22/4/2024 là **1.431.777.579** đồng, bao gồm nợ gốc là: 1.056.582.482 đồng; nợ lãi là: 375.195.097 đồng.

- Buộc Công ty TNHH Sản xuất C thanh toán cho Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Q tiền lãi chậm thanh toán phát sinh từ ngày 23/4/2024 tính trên nợ gốc với mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong các hợp đồng cho thuê tài chính cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

- Buộc bị đơn hoàn trả cho nguyên đơn chi phí tố tụng về việc xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản tranh chấp đã được nguyên đơn tạm ứng trước là 10.000.000 đồng.

Trường hợp Công ty TNHH Sản xuất C không thanh toán đầy đủ số tiền thuê còn nợ nêu trên, buộc Công ty TNHH Sản xuất C giao trả Tài sản thuê là: 01 Máy CNC khoan cắt tạo ren con trượt 21; 01 Máy CNC khoan cắt kẹp tấm pin năng lượng mặt trời; 01 Máy CNC khoan dập lỗ chân L85; 01 Máy CNC khoan tạo ren thanh tiếp địa; Máy cắt nhôm 2 đầu, Ký hiệu: OMRM 113, Hãng chế tạo: OZGENC MAKINA; Máy bấm và liên kết góc nhôm, Ký hiệu: OMRM 136, Hãng chế tạo: OZGENC MAKINA cho Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Q.

Trường hợp Công ty TNHH Sản xuất C không thanh toán đầy đủ khoản nợ nêu trên, buộc người bảo lãnh là ông Nguyễn Thanh L và bà Vũ Thị H có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Q cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền còn nợ.

***II/** Trong quá trình Tòa án nhân dân Quận 12 tiến hành hòa giải, người đại diện theo pháp luật của bị đơn bà Vũ Thị H trình bày:*

Công ty TNHH Sản xuất C có một khoản nợ với Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Q theo hợp đồng số C210800102 ký ngày 30/8/2021. Hiện tại số nợ đang quá hạn thanh toán mà tình hình hiện tại kinh tế đang khó khăn. Công ty chưa có đủ khả năng thanh toán liền. Công ty TNHH Sản xuất C sẽ sắp xếp thanh toán dần số nợ cho tới hết.

***III/** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh L có văn bản trình bày:*

Ông có ký văn bản bảo lãnh nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH Sản xuất C. Tình hình kinh tế hiện nay rất khó khăn, đề nghị hỗ trợ giảm lãi cho Công ty TNHH Sản xuất C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1/ Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Các đương sự tranh chấp với nhau về số tiền thuê tài sản mà bị đơn còn nợ của nguyên đơn. Đây là quan hệ tranh chấp "Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính". Khi Tòa án nhân dân Quận 12 thụ lý vụ án để giải quyết đến khi Tòa án ra Quyết định hoãn phiên tòa thì bị đơn đang có trụ sở chính tại Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào các Điều 30, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn, đại diện theo pháp luật của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án vắng mặt tại phiên tòa không lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự này theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

3/ Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào lời khai của các đương sự; căn cứ vào các giấy tờ, tài liệu do các đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được có đủ cơ sở để xác định:

Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế, gọi tắt là (Công ty C) và Công ty TNHH Sản xuất C, gọi tắt là (Công ty C) đã ký kết Hợp đồng cho thuê tài chính số C210800102 ký ngày 30/8/2021.

Để thực hiện Hợp đồng cho thuê tài chính số C210800102 này, ngày 30/8/2021, các bên đã ký hợp đồng mua bán số C210800102-PC để mua các tài sản thuê, bao gồm nhiều loại máy và cho Công ty C thuê lại chính các tài sản đó. Đây là hình thức mua và cho thuê lại theo quy định của pháp luật về cho thuê tài chính. Công ty C đã ký Giấy chứng nhận nghiệm thu Tài sản thuê vào ngày 15/09/2021. Hợp đồng thuê được cấp Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm vào ngày 17/9/2021.

Các hợp đồng có đầy đủ chữ ký và đóng dấu của đại diện bên cho thuê là Công ty C và đại diện theo pháp luật của bên thuê là bà Vũ Thị H – chức vụ: Giám đốc Công ty C.

Tài sản mà Công ty C có nhu cầu thuê tài chính là: 01 Máy CNC khoan cắt tạo ren con trượt 21; 01 Máy CNC khoan cắt kẹp tấm pin năng lượng mặt trời; 01 Máy CNC khoan dập lỗ chân L85; 01 Máy CNC khoan tạo ren thanh tiếp địa; Máy

cắt nhôm 2 đầu, Ký hiệu: OMRM 113, Hãng chế tạo: OZGENC MAKINA; Máy bấm và liên kết góc nhôm, Ký hiệu: OMRM 136, Hãng chế tạo: OZGENC MAKINA.

Theo nguyên đơn trình bày: Theo thỏa thuận, hàng tháng Công ty C phải thanh toán cho Công ty C tiền thuê bao gồm: một phần vốn gốc, khoản tiền lãi được tính trên dư nợ giảm dần cho đến khi trả đủ số tiền vốn gốc mà Công ty C đã tài trợ cùng các khoản lãi theo hợp đồng thuê. Trước khi Công ty C trả hết toàn bộ vốn gốc cùng các khoản lãi, Công ty C vẫn là chủ sở hữu của tài sản thuê và là người đứng tên trên toàn bộ các hóa đơn, chứng từ, các giấy tờ pháp lý khác liên quan đến quyền sở hữu…đối với tài sản thuê. Căn cứ theo các quy định của pháp luật hiện hành và Điều 26 của Hợp đồng thuê, nếu Công ty C vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền thuê, hay vi phạm bất cứ một điều khoản hoặc điều kiện nào của Hợp đồng thuê, hay bị mất khả năng thanh toán, Công ty C đều có quyền chấm dứt hợp đồng thuê trước thời hạn, thu hồi tài sản thuê và yêu cầu Công ty C bồi thường thiệt hại.

Bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ, nguyên đơn đã nhiều lần liên hệ bị đơn và người bảo lãnh là bà Vũ Thị H và ông Nguyễn Thanh L để yêu cầu trả nợ nhưng bị đơn và người bảo lãnh không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Nguyên đơn. Căn cứ Bảng kê các khoản nợ gốc và lãi phát sinh của bị đơn đến ngày xét xử do Nguyên đơn cung cấp thể hiện đến ngày 22/4/2024 là 1.431.777.579 đồng, bao gồm nợ gốc là: 1.056.582.482 đồng; nợ lãi là: 375.195.097 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải nhiều lần, đại diện theo pháp luật của bị đơn và người bảo lãnh có trình bày:

Công ty C có một khoản nợ với Công ty C theo hợp đồng số C210800102 ký ngày 30/8/2021. Hiện tại số nợ đang quá hạn thanh toán mà tình hình hiện tại kinh tế đang khó khăn. Công ty chưa có đủ khả năng thanh toán liền. Công ty C sẽ sắp xếp thanh toán dần số nợ cho tới hết. Đề nghị nguyên đơn hỗ trợ giảm lãi cho Công ty C.

Bị đơn và người bảo lãnh không thực hiện nghĩa vụ thanh toán, đã vi phạm Hợp đồng cho thuê tài chính số C210800102 ký ngày 30/8/2021.

Do đó, căn cứ Điều 91, khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017, Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao cùng các tài liệu nguyên đơn cung cấp, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán ngay khi án có hiệu lực pháp luật số tiền tạm tính đến ngày 22/4/2024 là 1.431.777.579 đồng.

Buộc Công ty C thanh toán cho Công ty C tiền lãi chậm trả phát sinh từ ngày 23/4/2024 tính trên nợ gốc với mức lãi suất quá hạn thỏa thuận theo Hợp đồng cho thuê tài chính số C210800102 ngày 30/8/2021 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Trong trường hợp đến ngày án có hiệu lực thi hành mà bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền thu hồi tài sản cho thuê là 01 Máy CNC khoan cắt tạo ren con trượt 21; 01 Máy CNC khoan cắt kẹp tấm pin năng lượng mặt trời; 01 Máy CNC khoan dập lỗ chân L85; 01 Máy CNC khoan tạo ren thanh tiếp địa; Máy cắt nhôm 2 đầu, Ký hiệu: OMRM 113, Hãng chế tạo: OZGENC MAKINA; Máy bấm và liên kết góc nhôm, Ký hiệu: OMRM 136, Hãng chế tạo: OZGENC MAKINA trả cho Nguyên đơn.

Xét thấy, tại các Thư bảo lãnh cá nhân được ký ngày 30/8/2021 giữa bà Vũ Thị H và ông Nguyễn Thanh L với Công ty C. Bà Vũ Thị H và ông Nguyễn Thanh L đồng ý bảo lãnh nghĩa vụ thanh toán tiền vay mà Công ty C phải thực hiện với Nguyên đơn. Trường hợp Công ty C không thể thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền vay theo các Hợp đồng tín dụng. Bà Vũ Thị H và ông Nguyễn Thanh L cam kết sẽ thực hiện các nghĩa vụ này thay cho Công ty C. Việc bảo lãnh này là vô điều kiện và không hủy ngang. Căn cứ Điều 335, 336, 338, 339, 340, 342; 481; 482 Bộ luật dân sự năm 2015, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bà Vũ Thị H và ông Nguyễn Thanh L thanh toán cho nguyên đơn số nợ của Công ty C trong trường hợp Công ty C không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán.

3/ Về án phí:

Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm đối với vụ án về kinh doanh thương mại số tiền là là **54.953.327** đồng.

Hoàn trả cho Công ty C toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo đơn khởi kiện là **25.288.835** đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2023/0031039 ngày 06/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

4/ Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, Công ty C phải nộp 10.000.000 đồng để hoàn trả cho Nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 335, 336, 338, 339, 340, 342; 481; 482 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào các Điều 2, 6, 7, 9, 30 Luật Thi hành án dân sự;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1/ Buộc Công ty TNHH Sản xuất C phải trả cho Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Q tạm tính đến ngày 22/4/2024 là **1.431.777.579** đồng, bao gồm nợ gốc là: 1.056.582.482 đồng; nợ lãi là: 375.195.097 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Việc giao nhận tiền do các đương sự tự nguyện thực hiện hoặc thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2/ Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 23/4/2024), Bị đơn còn còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho thuê tài chính số C210800102 ký ngày 30/8/2021 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3/ Trường hợp Bị đơn không thanh toán số tiền trên cho nguyên đơn ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật thì Nguyên đơn có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền thu hồi toàn bộ số tài sản đã cho thuê, bao gồm:

- 01 Máy CNC khoan cắt tạo ren con trượt 21; 01 Máy CNC khoan cắt kẹp tấm pin năng lượng mặt trời; 01 Máy CNC khoan dập lỗ chân L85; 01 Máy CNC khoan tạo ren thanh tiếp địa; Máy cắt nhôm 2 đầu, Ký hiệu: OMRM 113, Hãng chế tạo: OZGENC MAKINA; Máy bấm và liên kết góc nhôm, Ký hiệu: OMRM 136, Hãng chế tạo: OZGENC MAKINA.

4/ Trường hợp Công ty TNHH Sản xuất C không thanh toán đầy đủ khoản tiền nêu trên, thì buộc bà Vũ Thị H và ông Nguyễn Thanh L phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Q cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền còn nợ.

5/ Buộc Công ty TNHH Sản xuất C phải nộp chi phí xem xét thẩm định tại chỗ số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng để hoàn trả lại cho Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Q

6/ Về án phí:

Buộc Công ty TNHH Sản xuất C phải nộp số tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là **54.953.327** đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền ngay khi bản án có hiệu lực thi hành.

Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **25.288.835** đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2023/0031039 ngày 06/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

7/ Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

8/ Quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án. Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 1 tháng, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDTPHCM;
- VKS ND Quận 12;
- VKS ND TP.HCM;
- Chi cục THA DS Quận 12;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ma Văn Nhất